|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN  **CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**  Số: **570**/ATTP-ĐKCNSP  V/v thống kê, báo cáo số liệu cơ sở thực phẩm do ngành y tế quản lý. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lạng Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2020* |

Kính gửi: Văn phòng HĐND - UBND các huyện, thành phố.

Để có số liệu báo cáo Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế, đồng thời quản lý tốt các cơ sở thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm đề nghị Văn phòng HĐND - UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

**1. Rà soát, phân loại cơ sở thực phẩm do ngành y tế quản lý:** Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý để rà soát, phân loại các cơ sở thực phẩm thuộc ngành y tế quản lý trên địa bàn huyện, thành phố quản lý dựa trên loại hình và quy mô hoạt động thực tế của cơ sở:

- Theo quy mô hoạt động:

+ *Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ* là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Khoản 8, Điều 3, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

+ *Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ* là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Khoản 9, Điều 3, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

+ *Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ* là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật (Khoản 10, Điều 3, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

- Theo hình thức hoạt động:

*+ Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:* là cơ sở chế biến thức ăn bao gồm cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín, nhà hàng ăn uống, cơ sở chế biến suất ăn sẵn, căng-tin và bếp ăn tập thể (Khoản 5, Điều 2, Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12).

+ *Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố: Thức ăn đường phố* là thực phẩm được chế biến dùng để ăn, uống ngay, trong thực tế được thực hiện thông qua hình thức bán rong, bày bán trên đường phố, nơi công cộng hoặc những nơi tương tự (Khoản 26, Điều 2, Luật An toàn thực phẩm số 55/QH12).

+ *Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng:* Cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại thực phẩm dùng để hỗ trợ chức năng của cơ thể con người, tạo cho cơ thể tình trạng thoải mái, tăng sức đề kháng, giảm bớt nguy cơ mắc bệnh, bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học và các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

+ *Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm:* sản xuất, kinh doanh các loại phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế qui định việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

+ *Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, nước đá dùng liền:* sản xuất, kinh doanh các loại nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, nước đá dùng liền.

**2. Thống kê, báo cáo số liệu cơ sở thực phẩm do ngành y tế quản lý:**

- Văn phòng HĐND – UBND huyện thống kê số liệu, lập danh sách cơ sở thực phẩm **do** **ngành y tế quản lý** thuộc thẩm quyền của cấp huyện quy định tại Điều 8, Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn (Biểu mẫu theo ***Phụ lục 1*** và ***Phụ lục 2*** kèm theo công văn).

- Yêu cầu Trạm y tế xã/phường/thị trấn thống kê số liệu, lập danh sách cơ sở thực phẩm **do** **ngành y tế quản lý** thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã quy định tại Điều 9, Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn hoặc theo phân cấp của địa phương(Biểu mẫu theo ***Phụ lục 3*** và ***Phụ lục 4*** kèm theo công văn)

Báo cáo gửi về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trước ngày **25/11/2020**, bản mềm theo địa chỉ [cctpls@gmail.com](mailto:cctpls@gmail.com); mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Đăng ký và chứng nhận sản phẩm, điện thoại: 0205.6256.308 hoặc 0914 378 335 để phối hợp giải quyết.

***Lưu ý: Danh sách cơ sở thực phẩm do ngành y tế quản lý (tuyến huyện quản lý - Phụ lục 2) và Danh sách cơ sở thực phẩm do ngành y tế quản lý (tuyến xã quản lý -Phụ lục 4) không cần in, gửi kèm báo cáo mà gửi vào hộp thư điện tử*** [cctpls@gmail.com](mailto:cctpls@gmail.com).

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm đề nghị Văn phòng HĐND - UBND các huyện, thành phố quan tâm, thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở Y tế (B/c);  - Như trên (Th/h);  - Trung tâm Y tế các huyện/TP (Ph/h);  - Lãnh đạo Chi cục;  - Website của chi cục;  - Lưu: VT, ĐKCNSP. | **CHI CỤC TRƯỞNG**  **Phạm Công Anh** |

**Tên đơn vị:.....**

***Phụ lục 1***

**SỐ LIỆU CƠ SỞ THỰC PHẨM**

**DO NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ (TUYẾN HUYỆN)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình cơ sở** | **Tổng số**  **cơ sở hiện**  **có** | **Số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP** | | **Ghi chú** |
| Cấp mới 2020 | Luỹ kế Cấp giấy CNĐĐK |
| 1 | Dich vụ ăn uống (không bao gồm bếp ăn tập thể/căng tin/nhà khách) |  |  |  |  |
| 2 | Bếp ăn tập thể/căng tin/nhà khách…. |  |  |  |  |
| 3 | Kinh doanh TPCN tại cơ sở KD thuốc |  |  |  |  |
| 4 | Nhà hàng trong khách sạn |  |  |  |  |
|  | .................. |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |

**Tên đơn vị:.....**

***Phụ lục 2***

**DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC PHẨM DO NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ (TUYẾN HUYỆN)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở/Chủ cơ sở** | **Địa điểm SX, kinh doanh** | **Loại hình SX, kinh doanh** | **Điện thoại**  (Nếu có) | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Tên đơn vị:.....**

***Phụ lục 3***

**SỐ LIỆU CƠ SỞ THỰC PHẨM DO NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ (TUYẾN XÃ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình cơ sở** | **Tổng số**  **cơ sở hiện**  **có** | **Tổng số**  **cơ sở đã được quản lý** | **Ghi chú** |
| 1 | Cơ sở dịch vụ ăn uống/thức ăn đường phố |  |  |  |
| 2 | Cơ sở dịch vụ nấu cỗ lưu động |  |  |  |
| 3 | Bếp ăn phục vụ các nhóm trẻ độc lập |  |  |  |
| 4 | ……………… |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |

**Tên đơn vị:.....**

***Phụ lục 4***

**DANH SÁCH CƠ SỞ THỰC PHẨM DO NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ(TUYẾN XÃ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở/Chủ cơ sở** | **Địa điểm SX/kinh doanh** | **Loại hình SX/ kinh doanh** | **Điện thoại**  (Nếu có) | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |